VISecurities

02/07/2021

Bản tin chứng khoán



Trong số này

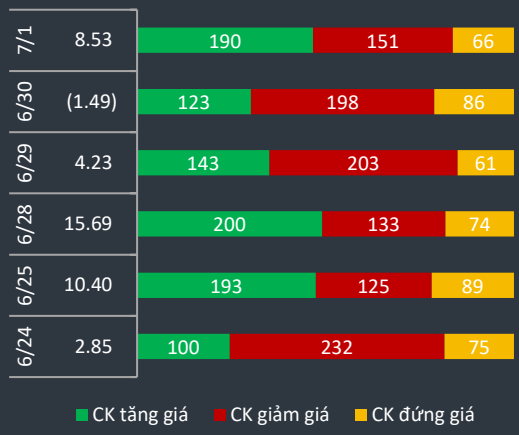
Nhận định P.1

Danh mục CP P.2

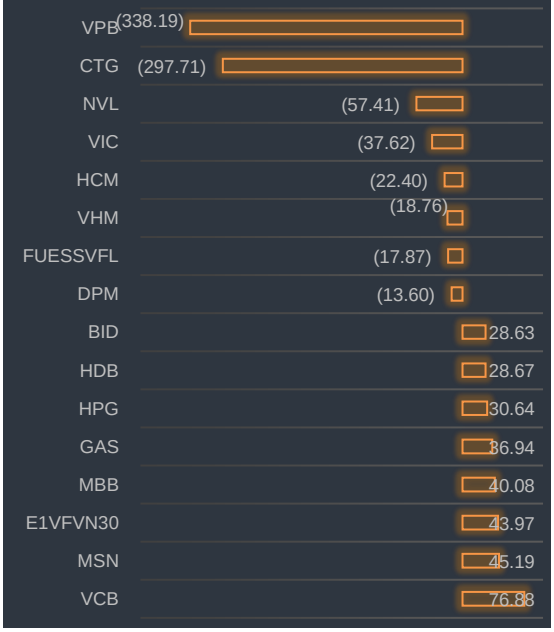
Tin Doanh nghiệp P.3

Bộ lọc CP P.4

Độ rộng thị trường



Giao dịch mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)



Thị trường ngày đầu tháng giao động nhẹ đầu phiên nhưng bắt đầu tăng tốc mạnh vào buổi chiều với sự dẫn dắt của các mã vốn hóa lớn như VPB, HPG, GVR, MSN và GAS. Ở chiều ngược lại các cổ phiếu VHM, NVL, VIC, CTG và SAB lại điều chỉnh làm hãm đà tiến của VN-Index.

Nhóm ngân hàng có động lực khá tốt với sự quay lại của VPB khi mã này tăng đến 4% cuối phiên. HDB, MSB, EIB, STB, TPB giữ mức xanh trên 1% khá nhẹ nhàng trong khi những nhóm bank nhỏ hơn mất điểm nhẹ như SHB, VIB, VBB.

Nổi trội nhất trong ngày là nhóm cổ phiếu chứng khoán với loạt mã tăng trần như BVS, MBS, BSI, AGR và CTS. Các mã còn lại tăng giá mạnh trên 4% có APS, FTS, VDS, HBS, SHS, SBS, HCM, HAC và VFS.

Dù chỉ số index hạ nhiệt đáng kể chỉ còn tăng 8% trong ngày nhưng độ rộng thị trường vẫn tích cực hơn rất nhiều so với phiên sáng khi 225 mã tăng so với 164 mã giảm. Đà tăng cũng lan tỏa đến cổ phiếu nhóm bất động sản khu công nghiệp, thép, dược phẩm, dệt may như GVR, KBC, PDR, NKG, HPG, HSG, GIL …

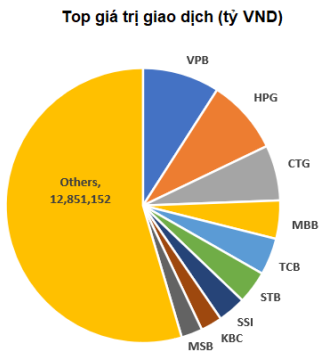
Nhờ dòng tiền đổ mạnh vào nhóm chứng khoán, thanh khoản giao dịch khớp lệnh trong ngày đạt 28,776 tỷ đồng, riêng sàn HOSE đạt trên 23.5 ngàn tỷ. Thanh khoản dồi dào trở lại là nhờ dòng tiền lại chảy vào nhóm ngành ngân hàng chiếm 37% tổng giao dịch trong ngày và cả nhóm ngành chứng khoán.

Khối ngoại bán ròng gần 250 tỷ đồng trong ngày với VPB bán ròng nhiều nhất khoảng 338 tỷ đồng cùng với CTG 297 tỷ đồng. Rất trùng hợp là thông tin mới nhất VPBank dự kiến chia cổ tức cho cổ đông với tỷ lệ 80% bằng cổ phiếu, có thể hoàn tất bán vốn cho nước ngoài ngay trong năm nay. Thông tin này khiến VPB đột ngột đảo chiều tăng mạnh 4% phá đỉnh 70.

Vnindex 1,417.08

▲ +8.53 (+0.61%)





Chỉ số Vnindex tiếp tục phá đỉnh mới thêm 8 điểm trong ngày lên 1,417. Thanh khoản gia tăng mạnh trở lại nhờ động lực của nhóm ngân hàng và chứng khoán. Đây cũng là điều đã dự báo trước khi gần đây hàng loạt ngân hàng chuẩn bị hoạt động tăng vốn bằng chia cổ tức bằng cổ phiếu. Với nhóm chứng khoán thì nhà đầu tư tiếp tục kỳ vọng kết quả kinh doanh Q2 sẽ lại bùng nổ nhờ hoạt động giao dịch tăng mạnh hơn 40% so với Q1. Nhà đầu tư tiếp tục duy trì nắm giữ cổ phiếu 2 nhóm ngành này và tận dụng các nhịp điều chỉnh có thể tích lũy thêm. Những cổ phiếu ưu tiên nắm giữ: CTG, MBB, OCB, STB, VCI, HCM, SSI, CTS, VND, GVR, HPG, NKG, HSG.

Ticker	Close	% so với tuần trước	Hỗ trợ	Kháng Cự	Vùng Mua	Ngày đưa vào DM	Lãi / Lỗ
NKG	36.4	13.6	17	23	Mục tiêu 37. Chuẩn bị chốt lãi	3/3/2021	91.6%
VCI	54.4	6.0	50	65	Mua quanh 52-54. Mục tiêu 65	6/29/2021	4.6%
HCM	54.0	19.5	45	65	Mua quanh 52-54. Mục tiêu 65	6/29/2021	3.8%
VND	46.4	8.7	42	60	Mua quanh 43-45. Mục tiêu 60	6/29/2021	3.1%
SSI	57.5	14.5	50	70	Mua quanh 54-56. Mục tiêu 70	6/30/2021	4.5%
CTG	52.4	(1.9)	30	40	Nắm giữ. Mục tiêu 60	2/3/2021	50.1%
OCB	30.9		18	30	Mục tiêu 35. Mua thêm quanh 30	2/3/2021	47.1%
HPG	52.8	4.3	38	50	Mua quanh 38-40. Mục tiêu 80	2/3/2021	25.7%
MWG	151.1	4.9	120	150	Mua quanh 115-120. Mục tiêu 150	2/3/2021	18.5%
STB	31.0	6.9	15	22	Mục tiêu 34. Mua thêm quanh 30	2/3/2021	72.2%
D2D	53.8	(1.6)	52	65	Mua quanh 52. Mục tiêu 65	5/4/2021	3.5%
SZC	38.5	1.0	32	44	Mục tiêu 40. Chuẩn bị chốt lời	5/4/2021	14.9%
PET	22.2	3.7	20	25	Mua quanh 20, mục tiêu 27	5/4/2021	12.7%
PNJ	96.0	2.1	75	90	Chốt lãi	2/3/2021	15.8%
MBB	43.5	3.5	20	27	Chốt lãi	2/3/2021	79.0%
FPT	88.9	5.0	55	75	Chốt lãi	2/3/2021	27.0%
VPB	70.4	2.6	30	40	Chốt lãi	2/3/2021	98.3%
HSG	42.6	5.2	18	28	Chốt lãi	2/3/2021	78.2%
DGW	130.0	6.5	90	120	Chốt lãi	3/3/2021	30.0%

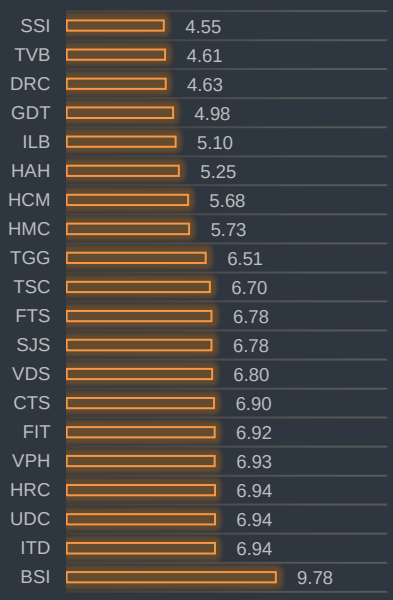
Chốt lời

Biến động Big Cap

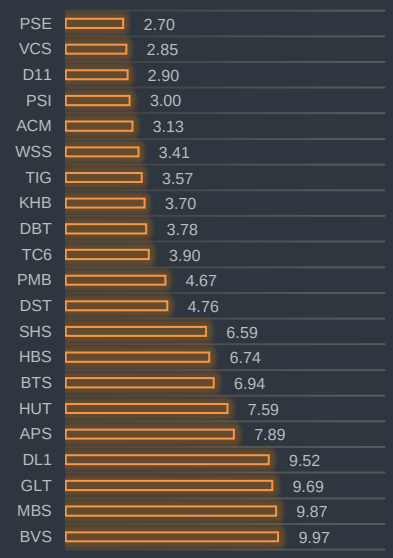
CP	Giá	+/-	%
SSI	57.5	2,500	4.55
GVR	36.4	1,400	4.00
VPB	70.4	2,700	3.99
MSN	113.5	3,000	2.71
HDB	36.5	950	2.68
PDR	95.9	2,500	2.68
HPG	52.8	1,300	2.52
STB	31.0	400	1.31
GAS	94.2	1,200	1.29
PLX	55.5	700	1.28
TPB	37.2	450	1.22
TCB	53.3	600	1.14
BVH	59.0	600	1.03
FPT	88.9	900	1.02
ACB	36.0	250	0.70
VNM	90.9	500	0.55
POW	12.1	50	0.41
MBB	43.5	100	0.23
VRE	31.8	50	0.16
BID	47.3	50	0.11
PNJ	100.2	100	0.10
DHG	95.7	100	0.10
VCB	116.4	-	-
HVN	27.6	-	-
REE	57.6	(100)	(0.17)
VIC	118.6	(400)	(0.34)
BCM	54.2	(200)	(0.37)
CTG	52.4	(300)	(0.57)
MWG	151.1	(900)	(0.59)
VJC	120.7	(800)	(0.66)
VHM	117.2	(800)	(0.68)
VIB	49.1	(350)	(0.71)
NVL	120.0	(1,000)	(0.83)
SAB	167.7	(1,400)	(0.83)



Top tăng giá HOSE



Top tăng giá HNX



GMD - Công ty Cổ phần Gemadept - Năm 2021 GMD xây dựng hai kịch bản tăng trưởng. Trong kịch bản lạc quan, GMD dự kiến doanh thu đạt 2.800 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 700 tỷ đồng; tăng trưởng lần lượt 7% và 37%. Ở kịch bản trung bình, công ty dự kiến doanh thu tăng 4% đạt 2.700 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 630 tỷ đồng, tăng 23%.

6 tháng đầu năm, GMD có doanh thu ước đạt 1.439 tỷ đồng, tăng 19% và thực hiện 51% kế hoạch; lợi nhuận trước thuế ước đạt 388 tỷ đồng, tăng 38% so cùng kỳ và thực hiện 55% kế hoạch lạc quan.

VPI - Invest - Cổ đông đã thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 với tổng doanh thu hợp nhất 3.100 tỷ đồng, tăng 43% so với năm trước; lợi nhuận sau thuế dự kiến tăng 11% lên 341 tỷ đồng.

TRA - Công ty cổ phần Traphaco - Công ty ước đạt 1.030 tỷ đồng doanh thu hợp nhất 6 tháng, lợi nhuận sau thuế đạt 124 tỷ đồng, tăng xấp xỉ 22% và 38% so với cùng kỳ.

JVC - CTCP Thiết bị y tế Việt Nhật - Ngày 29/6, Sở giao dịch Chứng khoán TP.HCM (HOSE) đã có quyết định chuyển cổ phiếu từ diện cảnh báo sang kiểm soát kể ngày từ 06/7/2021. Nguyên nhân do, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tính đến ngày 31/3/2020 (năm 2019) của JVC là âm hơn 1.105 tỷ đồng và lợi nhuận năm kế tiếp (2020) là âm hơn 76,6 tỷ đồng.

QCG - CTCP Quốc Cường Gia Lai – Đã thông qua việc giải thể Công ty con do QCG nắm giữ 80%/vốn là Công ty TNHH Bất động sản Quốc Cường Phước Kiển. Cùng với đó, QCG cũng giải thể công ty liên kết do QCG nắm giữ 31%/vốn là CTCP Bất động sản Quốc Cường Thuận An.

VPH - CTCP Vạn Phát Hưng – Đã thông qua chủ trương chuyển nhượng 55% cổ phần sở hữu tại CTCP Bất động sản Nhà Bè cho bên nhận chuyển nhượng là Công ty TNHH Lotte Land.

PPC - CTCP Nhiệt điện Phả Lại - Ngày 15/7 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức đợt 4 năm 2020, ngày đăng ký cuối cùng là 16/7. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 12,5%, thanh toán bắt đầu từ ngày 04/8/2021.

NCT - CTCP Dịch vụ hàng hóa Nội Bài - Ngày 29/6, HĐQT đã có nghị quyết thông qua phương án trả cổ tức đợt 1 năm 2021 bằng tiền mặt theo tỷ lệ 20%. Ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông nhận cổ tức vào 14/7/2021 và thanh toán bắt đầu từ ngày 12/8/2021.

PME - CTCP Pymepharco - Ngày 30/6, HĐQT đã có nghị quyết thông qua việc trả cổ tức năm 2020 bằng tiền mặt theo tỷ lệ 20%. Ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông nhận cổ tức vào 15/7/2021 và thanh toán bắt đầu từ ngày 27/7/2021.

CTCP Tập đoàn Hà Đô (mã chứng khoán HDG - sàn HOSE) mới công bố nghị quyết thành lập CTCP Năng lượng Hà Đô.

Theo đó, CTCP Năng lượng Hà Đô có vốn điều lệ dự kiến là 1.200 tỷ đồng, giá trị góp vốn của Tập đoàn Hà Đô là 1.199,6 tỷ đồng, chiếm 99,97% vốn điều lệ. Hình thức vốn góp bằng tài sản dự kiến 1.100,68 tỷ đồng và vốn góp bằng tiền là 98,92 tỷ đồng.

Về các dự án năng lượng của Tập đoàn Hà Đô, năm 2020, Nhà máy Điện mặt trời Hà Đô Ninh Phước 50MW đã được đi vào vận hành với giá FIT, bổ sung nguồn thu từ năng lượng khoảng 200 tỷ đồng mỗi năm.

Công ty cũng đang gấp rút triển khai Dự án Điện gió 7A công suất 50MW, dự kiến phát điện thương mại tuabin đầu tiên vào tháng 5/2021, dự kiến mang lại 315 tỷ đồng mỗi năm cho ngành năng lượng của Công ty.

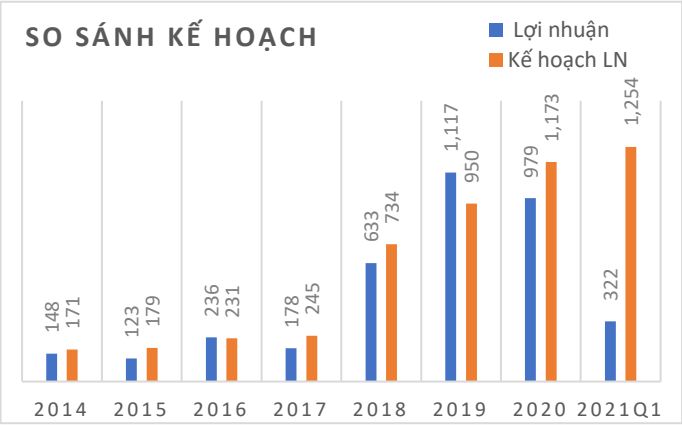
Sau khi hoàn thành phát điện các dự án thủy điện Sông tranh 4, Đăk Mi 2, kết thúc năm 2021, Hà Đô sẽ sở hữu, vận hành 8 dự án năng lượng với tổng công suất 466 MW, ghi nhận mỗi năm khoảng 2.000 tỷ đồng doanh thu từ lĩnh vực năng lượng.

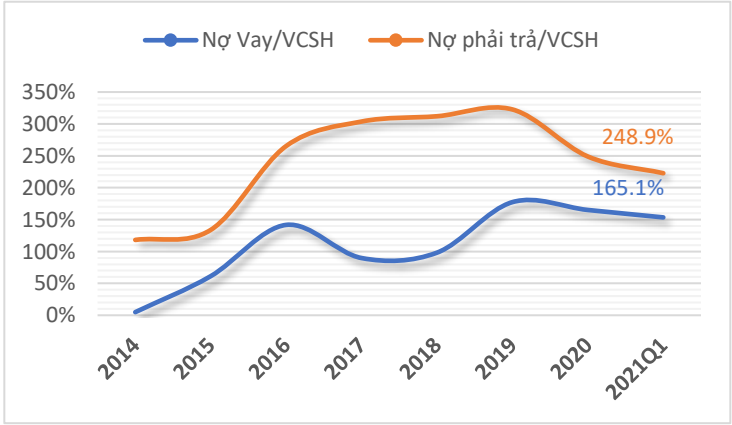
Tại ĐHĐCĐ năm 2021, HDG đã thông qua kế hoạch kinh doanh với tổng doanh thu đạt 4.838 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 1.254 tỷ đồng.

Kết thúc quý I, Công ty ghi nhận doanh thu đạt 1.353,9 tỷ đồng, tăng 25,2% so với cùng kỳ năm ngoái và hoàn thành gần 28% kế hoạch năm. Lợi nhuận sau thuế đạt 401,5 tỷ đồng, tăng 71,9% và hoàn thành 32% kế hoạch.

Tính tới 31/3/2021, tổng tài sản của HDG tăng 1,3% so với đầu năm lên 14.053,4 tỷ đồng. Trong đó, tài sản chủ yếu là tài sản dở dang dài hạn đạt 5.044,6 tỷ đồng, chiếm 35,9% tổng tài sản; tài sản cố định đạt 4.128,8 tỷ đồng, chiếm 29,4% tổng tài sản; các khoản phải thu ngắn hạn đạt 1.664,3 tỷ đồng, chiếm 11,8% tổng tài sản. (ĐTCK)

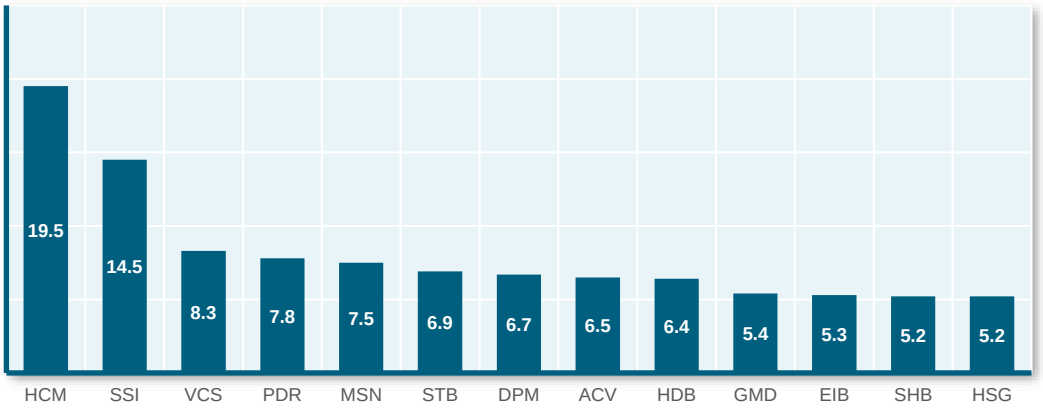
HDG	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021Q1
Doanh thu	1,554	1,480	1,988	2,297	3,221	4,343	4,999	1,354
Lợi nhuận	148	123	236	178	633	1,117	979	322
Lợi Nhuận Gộp	254	230	573	781	1,243	1,828	2,076	631
Chi phí lãi vay	(5)	(12)	(116)	(112)	(103)	(228)	(362)	(87)
KLCP DLH (triệu CP)	65	68	76	76	95	119	154	154
VCSH	1,051	1,307	1,834	2,084	2,691	3,280	3,977	4,354
Tổng Tài Sản	2,294	3,055	6,700	8,416	11,087	13,866	13,879	14,053
Vay Ngắn Hạn	50	126	349	278	583	1,183	850	666
Vay Dài Hạn	1	675	2,250	1,592	2,059	4,637	5,718	6,016
Tổng Nợ vay	**52**	**801**	**2,599**	**1,870**	**2,642**	**5,821**	**6,568**	**6,682**
Book Value	16,136	19,101	24,142	27,434	28,337	27,640	25,781	28,224
EPS	2,276	1,805	3,101	2,348	6,671	9,412	6,347	6,732







Top cổ phiếu tăng mạnh 5 phiên gần nhất



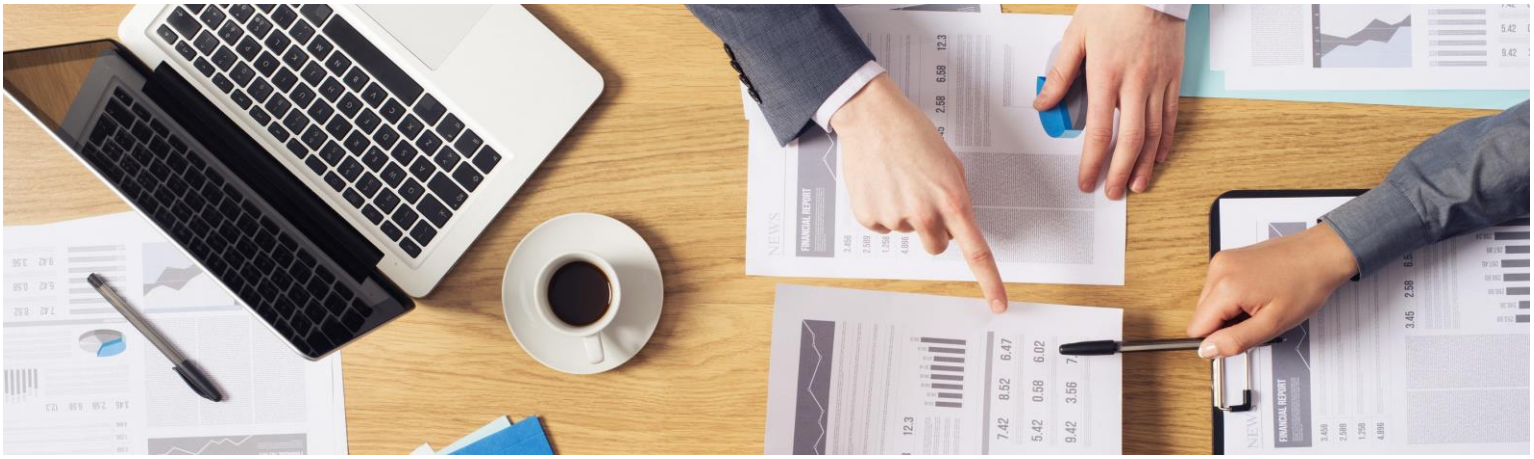
Thống kê nhóm cổ phiếu ngân hàng:

Mã CK	Sàn	Giá đóng cửa	KLGD	P/E	P/B	KL NN Mua	KL NN Bán	Vốn hóa (tỷ VND)	Tỷ lệ nắm giữ	EPS	Book Value
ABB	UPCOM	23.4	3,566,154	10.6	1.4	-	-	13,369	30.00	2,218	16,320
ACB	HOSE	36.0	10,393,200	8.1	2.1	-	-	97,135	30.00	4,419	17,547
BAB	UPCOM	26.4	108,600	28.1	2.2	-	-	18,704	-	939	12,064
BID	HNX	47.3	4,601,600	22.5	2.3	891,800	284,300	190,241	16.63	2,103	20,453
CTG	HOSE	52.4	29,241,200	11.0	2.1	1,484,500	7,157,700	195,106	25.11	4,761	24,665
EIB	HOSE	30.7	581,600	43.1	2.2	9,700	5,500	37,744	29.83	713	13,822
HDB	HOSE	36.5	5,516,400	9.0	2.2	1,019,500	219,900	58,093	17.54	4,066	16,572
LPB	UPCOM	29.9	5,910,700	13.4	2.1	130,200	236,600	32,132	3.21	2,239	14,059
MBB	HOSE	43.5	24,500,700	11.1	2.3	2,381,200	1,451,700	121,606	21.01	3,912	19,196
MSB	HOSE	31.0	19,224,500	12.7	2.0	1,497,500	599,600	35,867	29.87	2,436	15,368
NVB	HNX	19.4	6,694,209		1.8	17,600	2,100	7,892	8.71	27	10,532
OCB	HOSE	30.9	3,842,500	9.2	1.8	95,000	149,500	33,864	15.00	3,341	16,848
SHB	HNX	28.4	19,107,488	14.1	1.9	10,517	8,900	54,686	4.02	2,013	14,631
SSB	HOSE	40.9	2,349,400	30.7	3.5	-	-	49,377	-	1,331	11,769
STB	HOSE	31.0	29,589,500	20.7	1.9	884,700	79,800	55,913	12.33	1,495	16,485
TCB	HOSE	53.3	19,326,700	13.1	2.4	-	-	186,812	22.49	4,074	22,566
TPB	HOSE	37.2	5,441,400	8.5	2.1	-	-	39,866	30.00	4,354	17,399
VCB	HOSE	116.4	1,836,400	20.4	4.3	1,192,500	531,100	431,713	23.54	5,708	27,234
VIB	HOSE	49.1	746,100	9.3	2.8	2,000	77,400	76,259	20.40	5,297	17,420
VPB	HOSE	70.4	30,912,800	15.2	3.1	-	4,869,800	172,814	20.15	4,628	22,811
			223,491,151	16.36	2.33	9,616,717	15,673,900	1,909,193		3,004	17,388



Thống kê nhóm cổ phiếu chứng khoán:

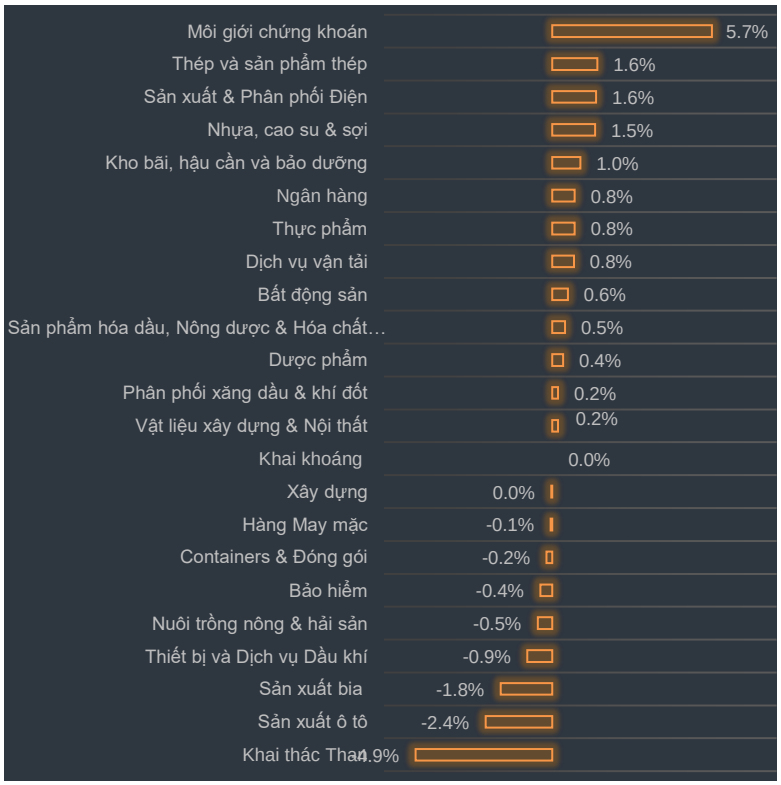
Mã CK	Sàn CK	Giá	Vol3t	Vốn Hóa	EPS	PE	P/Bv	BV
SSI	UPCOM	57,500	14,931,693	37,657,612	2,552.8	22.5	3.24	17,724
VCI	UPCOM	54,400	2,707,350	18,115,200	2,829.4	19.2	1.83	29,655
HCM	HNX	54,000	6,141,448	16,472,260	2,674.9	20.2	3.46	15,612
VND	UPCOM	46,400	6,252,467	9,953,481	5,308.7	8.7	2.22	20,939
SHS	UPCOM	46,900	9,566,615	9,720,879	4,994.5	9.4	2.61	17,951
MBS	UPCOM	34,500	2,604,720	9,232,455	1,279.0	27.0	2.62	13,147
FTS	HOSE	39,400	821,823	5,732,425	2,841.6	13.9	2.22	17,751
VIX	HNX	28,500	5,469,214	3,639,991	5,259.2	5.4	1.76	16,190
AGR	HOSE	14,800	2,446,948	3,115,199	572.1	25.9	1.51	9,775
BSI	UPCOM	24,700	1,901,782	3,002,796	2,051.4	12.0	1.94	12,711
ORS	HNX	25,900	874,615	2,590,000	1,516.4	17.1	2.45	10,574
VDS	HOSE	26,700	1,026,482	2,672,667	3,383.2	7.9	2.07	12,884
CTS	HOSE	24,800	1,789,716	2,638,710	2,444.1	10.1	1.79	13,885
TVS	HOSE	25,300	112,121	2,485,350	4,714.3	5.4	1.70	14,852
BVS	UPCOM	33,100	1,159,866	2,389,825	3,033.8	10.9	1.23	26,909
EVS	HOSE	33,200	452,101	1,992,013	2,382.6	13.9	2.34	14,167
SBS	HOSE	16,700	3,132,371	2,115,222	25.2	663.8	10.16	1,643
PHS	HOSE	13,200	865	1,188,000	828.3	15.9	1.17	11,291
TVB	HOSE	15,900	735,842	1,131,188	1,973.7	8.1	1.37	11,645
ART	HNX	10,400	6,187,014	1,007,994	269.8	38.5	0.91	11,459
TCI	UPCOM	16,600	286,261	821,700	2,331.0	7.1	1.36	12,235
IVS	UPCOM	10,200	116,385	707,370	352.2	29.0	1.03	9,862
BMS	UPCOM	14,900	88,086	745,000	1,808.9	8.2	1.15	12,977



Lịch trả cổ tức:

STT	Mã CK	Sàn	Ngày GDKHQ▼	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Nội dung sự kiện	Loại Sự kiện
1	CKG	HOSE	19/07/2021	20/07/2021	30/07/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 900 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
2	NBC	HNX	14/07/2021	15/07/2021	10/8/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 600 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
3	PMP	HNX	13/07/2021	14/07/2021	28/07/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,030 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
4	MCF	HNX	8/7/2021	9/7/2021	21/07/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 700 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
5	CPC	HNX	8/7/2021	9/7/2021	30/07/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
6	DCM	HOSE	7/7/2021	8/7/2021	27/07/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
7	MLC	UPCoM	6/7/2021	7/7/2021	29/07/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,538.897 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
8	KSB	HOSE	6/7/2021	7/7/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 10:1	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
9	CAV	HOSE	5/7/2021	6/7/2021	23/07/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
10	VSA	HNX	2/7/2021	5/7/2021	15/07/2021	Trả cổ tức năm 2019 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
11	VSA	HNX	2/7/2021	5/7/2021	15/07/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
12	PBP	HNX	2/7/2021	5/7/2021	29/07/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
13	HTI	HOSE	2/7/2021	5/7/2021	30/07/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
14	NED	UPCoM	2/7/2021	5/7/2021	29/07/2021	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
15	DSS	OTC	1/7/2021	2/7/2021	15/07/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,050 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
16	DRI	UPCoM	1/7/2021	2/7/2021	15/07/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 270 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
17	VPG	HOSE	1/7/2021	2/7/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:10	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
18	MSN	HOSE	1/7/2021	2/7/2021	16/07/2021	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 950 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
19	FOX	UPCoM	30/06/2021	1/7/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:20	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
20	VID	HOSE	30/06/2021	1/7/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:15	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
21	TVA	UPCoM	30/06/2021	1/7/2021	15/07/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
22	TDF	UPCoM	30/06/2021	1/7/2021	15/07/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,600 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
23	DOC	UPCoM	30/06/2021	1/6/2021	8/7/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 300 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
24	TCD	HOSE	30/06/2021	1/7/2021	22/07/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 600 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
25	TCD	HOSE	30/06/2021	1/7/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 20:1	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
26	SCS	HOSE	29/06/2021	30/06/2021	15/07/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 5,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
27	DSV	UPCoM	29/06/2021	30/06/2021	21/07/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,300 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
28	CT5	UPCoM	29/06/2021	30/06/2021	15/07/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 350 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt

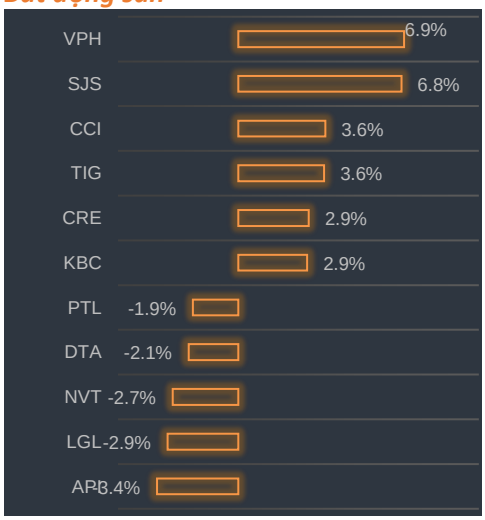
Tăng giảm ngành trong ngày



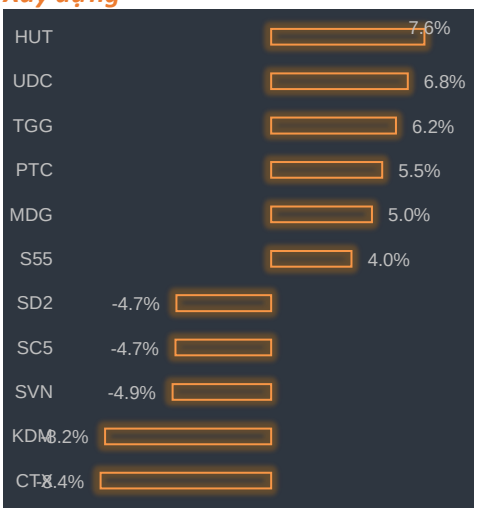
Các CP tăng tốt nhất theo từng nhóm ngành:

Bất động sản:	VPH, SJS, CCI
Xây dựng:	HUT, , UDC, TGG
Dầu khí:	PVD, GAS, PVG
Chứng khoán:	BVS, MBS, APS
Ngân hàng:	VPB, HDB, MSB

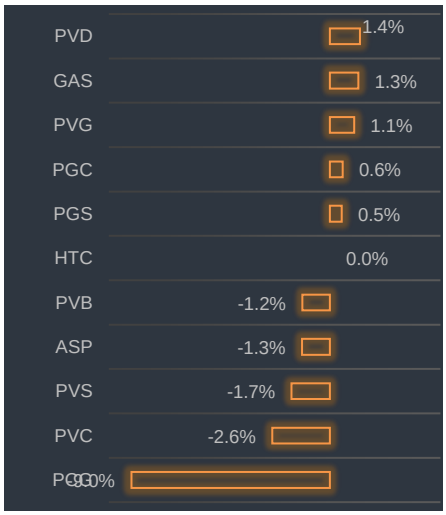
Bất động sản



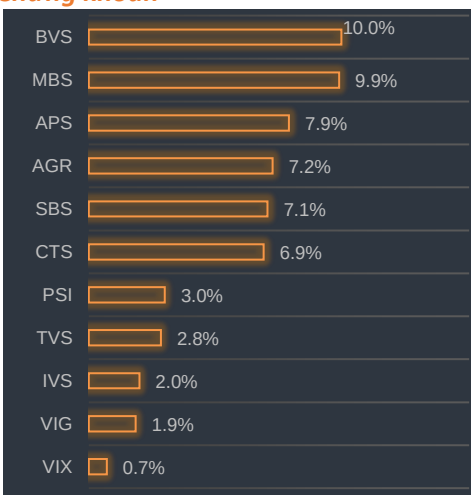
Xây dựng



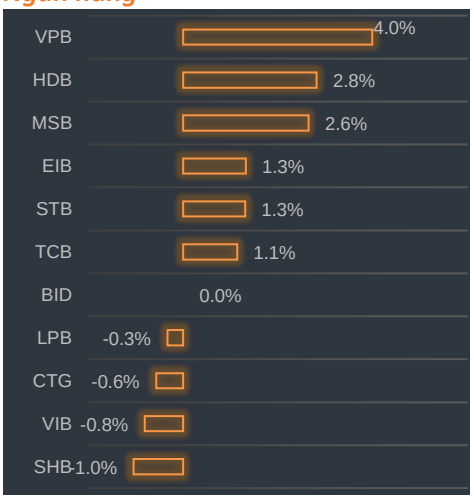
Dầu khí



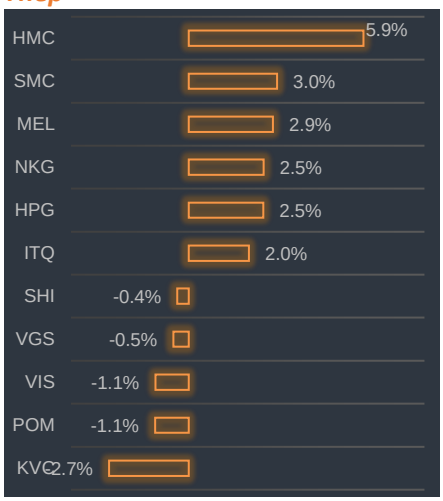
Chứng khoán



Ngân hàng



Thép





BP Phân tích

Head: Nguyễn Hồng Khanh
khanhnh@vise.com.vn

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi VIS để phân phối tại Việt Nam và quốc tế. Các ý kiến và dự báo chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Chúng tôi chỉ sử dụng những thông tin và quan điểm được cho là đáng tin cậy nhất, tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm tuyệt đối tính chính xác và đầy đủ của những thông tin trên. Những quan điểm cá nhân trong báo cáo này đã được cân nhắc cẩn thận dựa trên những nguồn thông tin chúng tôi cho là tốt nhất và hợp lý nhất trong thời điểm viết báo cáo. Tuy nhiên những quan điểm trên có thể thay đổi bất cứ lúc nào, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm phải thông báo cho nhà đầu tư.

Công ty VIS cũng như các công ty con và toàn thể cán bộ công nhân viên hoàn toàn có thể tham gia đầu tư hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đối với cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào. Nhà đầu tư cân nhắc kĩ lưỡng việc sử dụng thông tin cũng nhưng các dự báo tài chính trong tài liệu trên, và VIS không chịu trách nhiệm với bất kì khoản lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp nào do sử dụng những thông tin đó.

Tài liệu này chỉ nhằm mục đích lưu hành trong phạm vi hẹp vì vậy không được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của VIS.

VISecurities
CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM
Tầm nhìn mới, Giá trị mới

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (Hội Sở)
Tầng 3, 59 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội
Tel: 024 710 888 48, Fax: 024 3944 5889
https://www.vise.com.vn

Chi nhánh TP Hồ Chí Minh
Tầng 2, tòa nhà Savimex, Số 194 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Tel: 028.7108 8848
Fax: 028 3915 2931